

MỘT SỐ QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT VỀ BẢO MẬT THÔNG TIN KHÁCH HÀNG CỦA NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI VÀ KIẾN NGHỊ SỬA ĐỔI

● NGUYỄN THỊ BÍCH MAI

TÓM TẮT:

Bài viết trình bày một số ý kiến về các vấn đề quy định pháp luật hiện hành về bảo mật thông tin khách hàng (TTKH) của ngân hàng thương mại, từ đó chỉ ra một số hạn chế trong hành lang pháp luật về bảo mật TTKH và đề xuất một số kiến nghị nhằm cải thiện vấn đề này.

Từ khóa: bảo mật thông tin khách hàng, ngân hàng thương mại, bảo mật thông tin.

1. Đặt vấn đề

TTKH thuộc về bí mật cá nhân, đời sống riêng tư, được pháp luật ghi nhận và bảo vệ, đây là quyền cơ bản của công dân được quy định tại Điều 21 Hiến pháp năm 2013, theo đó: “Mọi người có quyền bất khả xâm phạm về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân và bí mật gia đình; có quyền bảo vệ danh dự, uy tín của mình. Thông tin về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, bí mật gia đình được pháp luật bảo đảm an toàn”. Nếu các thông tin này bị lộ hoặc bị công khai trái pháp luật thì có thể ảnh hưởng đến tâm lý, gây rắc rối, rủi ro, thiệt hại về cả về tinh thần và vật chất cho khách hàng, cũng như ảnh hưởng tiêu cực đến hình ảnh và uy tín của ngân hàng. Nhiều người bị lộ thông tin tài khoản đã trở thành nạn nhân của những thủ đoạn lừa đảo, bị chiếm đoạt số tiền lớn, hoặc bị ảnh hưởng đến công việc làm ăn, kinh doanh hay danh dự và uy tín.

Đảm bảo bí mật TTKH giúp cho các ngân hàng

thương mại (NHTM) tối đa hóa lợi nhuận kinh doanh, bảo vệ sự phát triển liên tục và bền vững của các NHTM, đồng thời tối thiểu hóa được các thiệt hại khi có rủi ro xảy ra¹. Đối với ngành Ngân hàng, an toàn thông tin có ảnh hưởng lớn đến uy tín và quyết định chủ yếu đến thành bại của ngân hàng. Mọi sự cố về an toàn thông tin có thể gây thiệt hại nặng nề về mặt tài chính và uy tín của các NHTM. Đây là lý do mà pháp luật ngân hàng quy định các tổ chức tín dụng (TCTD) nói chung, các NHM nói riêng phải có nghĩa vụ bảo đảm bí mật (bảo mật) TTKH. Nhận thức được điều này, trên thực tế, các NHTM đã áp dụng quy định pháp luật khá chặt chẽ. Tuy nhiên, các vụ việc lộ TTKH, đặc biệt là các thông tin về tài khoản của khách hàng vẫn diễn ra. Mới đây nhất là vụ việc để lộ TTTK của nghệ sĩ Hoài Linh tại Ngân hàng TMCP Quân đội là một ví dụ điển hình. Bên cạnh lý do như lỗi của khách hàng, cũng như các thủ đoạn thu thập, đánh cắp thông tin đang ngày càng

tình vi, cũng có một số vụ việc là xuất phát từ những vi phạm, thiếu sót của các nhân viên ngân hàng, những “lỗ hổng” trong quy định pháp luật về bảo mật TTKH.

Tại Việt Nam, các rủi ro về bảo mật TTKH của NHTM như gian lận, lừa đảo khách hàng, tấn công mạng vào cơ sở hạ tầng của ngân hàng và dữ liệu người dùng bị rò rỉ đang tăng lên. Theo khảo sát của Hiệp hội An toàn thông tin Việt Nam, hơn 50% các cuộc tấn công mạng là nhắm vào các tổ chức tài chính, ngân hàng². Ngành Ngân hàng (NH) đang đối mặt với một số thách thức về an ninh mạng như: hacker tấn công vào hệ thống dữ liệu qua các đối tác của ngân hàng; tấn công trực tiếp vào website thay đổi giao diện để tống tiền, lấy dữ liệu; thâm nhập hệ thống để thực hiện lệnh chuyển tiền nhằm chiếm đoạt thông tin, tài sản của ngân hàng và cả khách hàng; lập các website mạo danh ngân hàng để lừa đảo khách hàng,... Công nghệ số phát triển đến đâu sẽ kéo theo sự phát triển của các dịch vụ ngân hàng số đến đó, tuy nhiên, mặt trái của điều này cũng dẫn đến nguy cơ tội phạm sử dụng công nghệ cao trong lĩnh vực ngân hàng gia tăng đáng kể. Trước tình hình này, Nhà nước cũng đang tập trung hoàn thiện khuôn khổ pháp lý để tạo điều kiện thuận lợi cho chuyển đổi số hoạt động ngân hàng và pháp luật về bảo mật TTKH của NHTM trong kỷ nguyên công nghệ số cũng cần được quan tâm nhằm xây dựng một hành lang pháp lý đầy đủ để tạo ra một hệ thống giao dịch số an toàn và đáng tin cậy, thích ứng với cuộc cách mạng công nghiệp 4.0.

2. Quy định pháp luật hiện hành về bảo mật thông tin khách hàng của NHTM

Bảo mật TTKH là một nội dung thuộc về nguyên tắc bảo vệ bí mật ngân hàng, một nguyên tắc đặc thù chi phối quá trình xây dựng và hoàn thiện pháp luật ngân hàng. Do đó, bảo vệ bí mật khách hàng được pháp luật ngân hàng ghi nhận từ rất sớm trong Luật Các Tổ chức tín dụng 1997, được sửa đổi bổ sung năm 2004 và Nghị định số 70/2000/NĐ-CP ngày 21/11/2000 về việc giữ bí mật, lưu trữ và cung cấp thông tin liên quan đến tiền gửi và tài sản gửi của khách hàng. Pháp luật

hiện hành quy định về bảo mật TTKH của các TCTD nói chung, NHTM nói riêng tại Luật Các Tổ chức tín dụng 2010, được sửa đổi bổ sung năm 2017 và chủ yếu được cụ thể hóa tại Nghị định số 117/2018/NĐ-CP ngày 11/9/2018 về việc giữ bí mật, cung cấp TTKH của TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

Nghị định 117/2018 được ban hành khi chuyển đổi số lĩnh vực ngân hàng ở Việt Nam vừa mới hình thành nên chưa thể dự liệu được hết những tác động, thách thức của chuyển đổi số đối với bảo mật TTKH. Tuy nhiên, Nghị định 117/2018 chắc chắn là cơ sở pháp lý nền tảng về đảm bảo bí mật TTKH trong kỷ nguyên công nghệ số, vì cho dù sự phát triển của chuyển đổi số có mạnh mẽ đến đâu thì bản chất cốt lõi và mục tiêu của pháp luật bảo mật TTKH vẫn không hề thay đổi. Do đó, trong phạm vi giới hạn bài viết, tác giả sẽ phân tích một số quy định cơ bản về việc đảm bảo bí mật TTKH của NHTM tại Nghị định 117/2018.

2.1. Quy định nguyên tắc NHTM có trách nhiệm giữ bí mật thông tin khách hàng

Nguyên tắc cơ bản này được ghi nhận tại Điều 14 Luật Các TCTD 2010, sửa đổi bổ sung 2017 và Điều 4, Khoản 2 Điều 14 Nghị định 117/2018 như sau: NHTM có trách nhiệm “*đảm bảo an toàn, bí mật TTKH trong quá trình cung cấp, quản lý, sử dụng, lưu trữ TTKH*”. Đây là một nghĩa vụ quan trọng của NHTM nhằm bảo vệ lợi ích, quyền tự do riêng tư của khách hàng.

Thông qua hoạt động nghiệp vụ của mình, NHTM nắm giữ rất nhiều TTKH. Những thông tin như vậy phản ánh nhiều khía cạnh cuộc sống cá nhân của khách hàng. Ví dụ, ngân hàng biết được thông tin liên quan đến nghề nghiệp, tuổi tác, tình trạng hôn nhân của khách hàng, thói quen tiêu dùng,... cùng những thông tin khác như phương án sản xuất kinh doanh, doanh số hoạt động, mối quan hệ kinh doanh với đối tác, kết quả kinh doanh của khách hàng, các dữ liệu, số liệu có giá trị khác và các thông tin về bí mật kinh doanh... Đây là những thông tin rất quan trọng, nhạy cảm và là vũ khí lợi hại để đối thủ cạnh tranh trong kinh doanh khai thác³. Do đó, NHTM có nghĩa vụ bảo đảm bí mật TTKH là điều tất yếu.

2.2. Quy định phạm vi thông tin khách hàng được bảo đảm bí mật

Khoản 1 Điều 3 Nghị định 117/2018 quy định: “TTKH là thông tin do khách hàng cung cấp, thông tin phát sinh trong quá trình khách hàng đề nghị hoặc được tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cung ứng các nghiệp vụ ngân hàng, sản phẩm, dịch vụ trong hoạt động được phép, bao gồm thông tin định danh khách hàng và thông tin sau đây: thông tin về tài khoản, thông tin về tiền gửi, thông tin về tài sản gửi, thông tin về giao dịch, thông tin về tổ chức, cá nhân là bên bảo đảm tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và các thông tin có liên quan khác”.

Quy định này hoàn toàn phù hợp và cần thiết nhằm đảm bảo quyền lợi của khách hàng khi giao dịch với NHTM. Theo đó, NHTM phải có nghĩa vụ bảo mật thông tin mà khách hàng đã cung cấp cả trong quá trình đề nghị giao kết hợp đồng. Về nguyên tắc, nghĩa vụ bảo đảm bí mật TTKH chỉ phát sinh khi hợp đồng hình thành và chấm dứt khi hợp đồng chấm dứt. Tuy nhiên, bí mật thông tin của khách hàng có thể phát sinh khi chưa có hợp đồng⁴. Một cá nhân hay một tổ chức, tuy chưa từng có giao dịch với NHTM, nhưng có thể đến các tổ chức này để xin vay vốn. Khi đó, trong hồ sơ vay vốn của cá nhân hay tổ chức, có những thông tin cần phải giữ bí mật với bên thứ ba như tình hình tài chính của cá nhân, doanh nghiệp và dự án đầu tư, phương thức sản xuất, kinh doanh. Nếu NHTM và cá nhân hay tổ chức này chưa hoặc không ký kết hợp đồng tín dụng nhưng thông tin này bị tiết lộ cho đối thủ cạnh tranh thì việc tiết lộ thông tin này có thể gây thiệt hại lớn cho cá nhân, tổ chức.

2.3. Quy định nội bộ về giữ bí mật, lưu trữ và cung cấp thông tin khách hàng

Theo Khoản 1 Điều 5 Nghị định 117 thì: NHTM “sẽ căn cứ quy định của pháp luật, Nghị định này để ban hành quy định nội bộ về giữ bí mật, lưu trữ và cung cấp TTKH và tổ chức thực hiện thống nhất”.

Đây là quy định cần thiết, bởi bên cạnh các quy định mang tính định hướng trong việc thực thi pháp luật bảo mật TTKH, thì ban hành quy định

nội bộ sẽ tạo cơ chế khuyến khích NHTM quy định thêm hoặc cụ thể hóa các quy định pháp luật nhằm thực thi hiệu quả nghĩa vụ bảo mật TTKH.

2.4. Quy định các trường hợp NHTM được cung cấp thông tin khách hàng và trình tự thủ tục yêu cầu cung cấp thông tin

Cụ thể, Điều 11 quy định NHTM chỉ được cung cấp TTKH trong 02 trường hợp sau: “a) Tổ chức khác, cá nhân có quyền yêu cầu tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cung cấp TTKH được quy định cụ thể tại bộ luật, luật, nghị quyết của Quốc hội. b) Có chấp thuận của khách hàng bằng văn bản hoặc bằng hình thức khác theo thỏa thuận với khách hàng”.

Về trình tự, thủ tục yêu cầu cung cấp thông tin thì được quy định tại Điều 8, Điều 9, theo đó, cơ quan nhà nước, tổ chức khác, cá nhân chỉ được yêu cầu NHTM cung cấp TTKH theo đúng mục đích, nội dung, phạm vi, thẩm quyền theo quy định của pháp luật hoặc khi được sự chấp thuận của khách hàng và phải chịu trách nhiệm về việc yêu cầu cung cấp TTKH. Việc quy định rõ như vậy để tránh trường hợp các chủ thể được quyền yêu cầu TCTD cung cấp TTKH lạm quyền, gây thiệt hại đến lợi ích của khách hàng.

2.5. Quy định một số trách nhiệm khác của ngân hàng thương mại và cơ chế pháp lý bảo đảm quyền được bảo mật thông tin của khách hàng

Theo Điều 14 Nghị định 117/2018, NHTM có trách nhiệm “tổ chức giám sát, kiểm tra và xử lý vi phạm quy định nội bộ về giữ bí mật, lưu trữ, cung cấp TTKH; giải quyết khiếu nại của khách hàng trong việc cung cấp TTKH theo quy định của pháp luật; chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật đối với trường hợp vi phạm quy định của Nghị định này, pháp luật có liên quan” (ví dụ, chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật đối với việc làm lộ thông tin khách hàng, sử dụng TTKH không đúng mục đích). Như vậy, ngoại trừ các trường hợp pháp luật quy định cho phép được cung cấp TTKH, các NHTM không được phép làm lộ thông tin khách hàng. Theo đó, Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam 2010 và Luật Các Tổ chức tín dụng 2010 và các luật liên quan đều ghi nhận các chế tài mà NHTM sẽ phải gánh chịu tùy theo tính

chất, mức độ của hành vi vi phạm như bị xử lý kỷ luật, phạt vi phạm hành chính, truy cứu trách nhiệm hình sự, phải bồi thường thiệt hại.

Điều 13 Nghị định 117/2018 quy định khách hàng có quyền: *“khiếu nại, khởi kiện, yêu cầu bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật trong trường hợp cơ quan nhà nước, tổ chức khác, cá nhân, TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cung cấp, sử dụng TTKH không đúng quy định”*. Quy định này đã tạo cơ sở để khách hàng có thể bảo vệ lợi ích của mình khi thông tin bị tiết lộ. Đây là nội dung quan trọng, bởi nếu pháp luật chỉ ghi nhận quyền được bảo mật TTKH, nhưng không quy định cơ chế pháp lý bảo đảm kèm theo thì quy định đó sẽ mang tính chất nửa vời.

Nhìn chung, Nghị định 117/2018 đã xây dựng được hành lang pháp lý tương đối đầy đủ và cần thiết cho việc bảo mật TTKH của NHTM; tuy nhiên, để thúc đẩy sự phát triển bền vững của hệ thống ngân hàng trong tương lai thì pháp luật về bảo mật TTKH của NHTM trong kỷ nguyên công nghệ số cần được tiếp tục hoàn thiện.

3. Hạn chế và kiến nghị đề xuất

3.1. Hạn chế

Thứ nhất, bất cập trong quy định cơ chế bảo vệ quyền lợi của khách hàng.

Theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 13 Nghị định 117, khách hàng có quyền *“khiếu nại, khởi kiện, yêu cầu bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật trong trường hợp cơ quan nhà nước, tổ chức khác, cá nhân, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cung cấp, sử dụng TTKH không đúng quy định của pháp luật”*. Như vậy, các quyền mà khách hàng có thể sử dụng bao gồm quyền khiếu nại, quyền khởi kiện và quyền yêu cầu bồi thường thiệt hại, nhưng không bao gồm cả quyền tố cáo - một trong số các quyền chính đáng được sử dụng để bảo vệ quyền lợi được quy định tại Hiến pháp 2013.

Tuy nhiên, trong quy định tại Luật Bảo vệ người tiêu dùng 2010, các quyền mà Luật này ghi nhận cho người tiêu dùng để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp bao gồm: *“Khiếu nại, tố cáo, khởi kiện hoặc đề nghị tổ chức xã hội khởi kiện để bảo vệ quyền lợi của mình theo quy định của Luật này*

và các quy định khác của pháp luật có liên quan”. Theo quy định này, người tiêu dùng có cả quyền tố cáo để bảo vệ quyền lợi của mình. Như vậy, phải chăng đã có sự không đồng bộ giữa Nghị định 117 và Luật Bảo vệ người tiêu dùng 2010 về vấn đề cơ chế bảo vệ quyền lợi của khách hàng, trong khi khách hàng trong lĩnh vực ngân hàng cũng chính là người tiêu dùng theo pháp luật bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng⁵.

Theo Luật Tố cáo 2011 và Luật Tố cáo 2018, hoạt động tố cáo bao gồm tố cáo hành vi vi phạm pháp luật trong việc thực hiện nhiệm vụ, công vụ và tố cáo hành vi vi phạm pháp luật về quản lý nhà nước trong các lĩnh vực. Như vậy, trong trường hợp cơ quan nhà nước, TCTD cung cấp, sử dụng TTKH không đúng quy định, khách hàng hoàn toàn có quyền thực hiện tố cáo các chủ thể trên vì đáp ứng các trường hợp được tố cáo theo Luật Tố cáo. Tuy nhiên, Nghị định 117 không quy định về quyền này có thể gây ảnh hưởng đến hoạt động bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của khách hàng, gây khó khăn trong công tác áp dụng pháp luật để giải quyết của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Thứ hai, bất cập trong quy định về dữ liệu sinh trắc học.

Nghị định 117 đã định nghĩa cụ thể TTKH cần được bảo mật là *“thông tin do khách hàng cung cấp, thông tin phát sinh trong quá trình khách hàng đề nghị hoặc được TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cung ứng các nghiệp vụ ngân hàng, sản phẩm, dịch vụ trong hoạt động được phép, bao gồm thông tin định danh khách hàng và thông tin sau đây: thông tin về tài khoản, thông tin về tiền gửi, thông tin về tài sản gửi, thông tin về giao dịch, thông tin về tổ chức, cá nhân là bên bảo đảm tại TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và các thông tin có liên quan khác”*⁶.

Tuy nhiên, trong nguyên tắc giữ bí mật, cung cấp TTKH do chính Nghị định này quy định, lại nhắc đến một loại thông tin khác mà TCTD không được cung cấp trừ trường hợp có chấp thuận của khách hàng. Đó là *“thông tin xác thực khách hàng khi truy cập vào các dịch vụ ngân hàng”*. Trong định nghĩa *“TTKH”* không nhắc đến loại thông tin

này, có thể hiểu rằng “thông tin xác thực khách hàng” không được xem là “TTKH”, mà chỉ là “thông tin của TCTD cung cấp cho khách hàng trong quá trình khách hàng truy cập các dịch vụ ngân hàng nhằm xác thực danh tính khách hàng sử dụng dịch vụ”. Mặc dù vậy, khoản 2 Điều 4 Nghị định 117 chỉ ra các thông tin xác thực khách hàng bao gồm: mã khóa bí mật, dữ liệu sinh trắc học, mật khẩu truy cập của khách hàng, thông tin xác thực khách hàng khác. Ngoại trừ mã khóa bí mật, mật khẩu truy cập, thì dữ liệu sinh trắc học là loại thông tin đặc biệt hơn cả. Không chỉ được xem là “thông tin xác thực khách hàng”, bởi đây là thông tin về thuộc tính vật lý, đặc điểm sinh học của mỗi cá nhân, gắn liền với con người và được coi là dữ liệu cá nhân, thì trong bối cảnh dữ liệu sinh trắc học (mống mắt, vân tay,...) đang có xu hướng được sử dụng để tích hợp trong thẻ căn cước công dân và trở thành thông tin định danh thì việc không xếp dữ liệu sinh trắc học vào nhóm thông tin định danh là chưa phù hợp với các xu hướng quy định hiện tại.

3.2. Kiến nghị

Thứ nhất, Nghị định 117 nên bổ sung quy định về quyền tố cáo của khách hàng khi phát hiện ra sai phạm trong quá trình bảo mật, cung cấp, sử dụng TTKH của các NHTM, cơ quan nhà nước, tổ chức khác, cá nhân. Bên cạnh các cơ chế tố cáo mà Luật Tố cáo ghi nhận, mặc dù cơ chế tố cáo nặc danh không có quy định chính thức, song trên thực tế, khách hàng vẫn hoàn toàn có thể tố cáo nặc danh để tố cáo sai phạm nếu có “nội dung

đầy đủ, rõ ràng về người có hành vi vi phạm pháp luật, có tài liệu, chứng cứ cụ thể về hành vi vi phạm pháp luật và có cơ sở để thẩm tra, xác minh”⁷ đối với hành vi vi phạm pháp luật về bảo mật TTKH của các cơ quan, tổ chức trên. Việc bổ sung quyền tố cáo một mặt nhằm điều chỉnh cho các quy định về bảo vệ quyền lợi khách hàng được nhất quán, mặt khác giúp bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của khách hàng tốt hơn khi bị xâm phạm bởi các hành vi vi phạm pháp luật, nâng cao chất lượng hoạt động của các TCTD, phục vụ cho công tác quản lý và xử lý sai phạm của cơ quan quản lý nhà nước.

Thứ hai, Nghị định 117 nên quy định theo hướng xếp “dữ liệu sinh trắc học” vào nhóm các thông tin định danh khách hàng và trở thành TTKH được bảo mật chứ không chỉ là thông tin xác thực khách hàng. Như vậy, các dữ liệu sinh trắc học ngoài việc được bảo mật theo các quy tắc sử dụng dịch vụ, sẽ được đưa vào các quy định nội bộ về bảo mật TTKH và được bảo mật chặt chẽ hơn, cũng như cho phép các TCTD được khai thác vào các mục đích khác phục vụ cho hoạt động kinh doanh ngoài mục đích xác thực. Khi sử dụng dữ liệu sinh trắc học của khách hàng trong các dịch vụ ngân hàng số, các TCTD có thể tích hợp các dữ liệu sinh trắc học của khách hàng vào các công cụ phục vụ giao dịch (như thẻ ATM), qua đó phát triển dịch vụ ngân hàng số của mình. Mặt khác, điều này đòi hỏi TCTD cũng phải có biện pháp bảo vệ, giữ bí mật cũng như cung cấp một cách hợp lý ■

TÀI LIỆU TRÍCH DẪN:

¹Nguyễn Thị Thái Hưng (2020). Bảo mật thông tin khách hàng khi sử dụng dịch vụ ngân hàng số. Tạp chí Thị trường Tài chính tiền tệ, 3+4(540+541), 36-43.

²Hà An (2020). Lỗ hổng trong an ninh thông tin ngân hàng số. Truy cập tại <https://nhandan.vn/chuyen-de-cuoi-tuan/lo-hong-trong-an-ninh-thong-tin-ngan-hang-so-616515/>

³Nguyễn Thị KimThoa (2019). Bàn về pháp luật bảo mật thông tin khách hàng trong hoạt động ngân hàng. Tạp chí Ngân hàng, 20, 32-37.

⁴Nguyễn Thị Kim Thoa (2018). Một số điểm mới về giữ bí mật, cung cấp thông tin khách hàng của TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài. Tạp chí Ngân hàng số, 21, 22-25.

⁵Theo Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng 2010, người tiêu dùng là người mua, sử dụng hàng hóa, dịch vụ cho mục đích tiêu dùng, sinh hoạt của cá nhân, gia đình, tổ chức. Theo Luật Các Tổ chức tín dụng 2010, TCTD là doanh nghiệp thực hiện một, một số hoặc tất cả các hoạt động ngân hàng. Như vậy, khách hàng sử dụng các dịch vụ do TCTD cung cấp trong số các nghiệp vụ mà TCTD thực hiện được xem là “người tiêu dùng” sử dụng dịch vụ của TCTD.

⁶Khoản 1 Điều 3 Nghị định 117 ngày 11/9/2018 về việc giữ bí mật, cung cấp thông tin khách hàng của TCTD, chỉ nhánh ngân hàng nước ngoài.

⁷Khoản 2 Điều 25 Luật số: 25/2018/QH14: Luật Tố cáo năm 2018.

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. Quốc hội (2017). *Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017*.
2. Quốc hội (2017). *Luật Các tổ chức tín dụng 2010, được sửa đổi bổ sung năm 2017*.
3. Quốc hội (2010). *Luật số 59/2010/QH12: Luật Bảo vệ người tiêu dùng 2010, ngày 17 tháng 11 năm 2010*.
4. Chính phủ (2019). *Nghị định số 88/2019/NĐ-CP về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng*.
5. Viện Ngôn ngữ học (2010). *Từ điển Tiếng Việt*. Nhà xuất bản Từ điển Bách khoa, Hà Nội.

Ngày nhận bài: 1/6/2022

Ngày phản biện đánh giá và sửa chữa: 1/7/2022

Ngày chấp nhận đăng bài: 11/7/2022

Thông tin tác giả:

ThS. NGUYỄN THỊ BÍCH MAI

Giảng viên Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh

SOME PROVISIONS OF CUSTOMER INFORMATION SECURITY AT COMMERCIAL BANKS AND RECOMMENDATIONS

● Master. **NGUYEN THI BICH MAI**

Lecturer, Ho Chi Minh City University of Law

ABSTRACT:

This paper presents some opinions about current legal issues relating to the customer information security of commercial banks. This paper also points out some shortcomings of the current legal corridor for the customer information security, and make some recommendations to solve this issue.

Keywords: customer information security, commercial banking, information security.